

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D TỈNH NGHỆ
AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2023
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cụt Xuân Ninh

Bà Đặng Thị Ngọc

- Thư ký phiên toà: Ông Quang Lương Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị L Th V Ng, sinh năm 2000 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản N M, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh L V B. Sinh năm 1996 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Y H, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị L Th V Ng trình bày:

- Về tình cảm: Chị L Th V Ng và anh L V B tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2020. Chị Ng và anh B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày **21 tháng 01 năm 2020** trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là quan điểm sống khác nhau, nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ, cuộc sống vợ chồng ngày càng

một mỗi, mặc dù đã được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không được, vào cuối năm 2022 vợ chồng quyết định sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Ng có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị Ng và anh B có 01 con chung là cháu L B Kg, sinh ngày 15/4/2020 hiện cháu đang sống với anh B và ông bà nội tại Bản Y H, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Cháu Kh từ nhỏ sinh sống tại gia đình anh B, chị Ng không muốn đảo lộn cuộc sống của cháu Kh, chị Ng và anh B cũng đã thỏa thuận giao cháu Kh cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng: Chị Ng và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 10 năm 2023 anh L V B trình bày:

Tình cảm: Anh B và chị L Th V Ng tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2020. Anh B và chị Ng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 21 tháng 01 năm 2020 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2022, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt. Quá trình chung sống, vợ chồng nghĩ đến con nên cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị Ng có nguyện vọng ly hôn với anh B thì anh B đồng ý.

Về con chung: Anh B và chị Ng có 01 con chung tên cháu là L B Kg, sinh ngày 15/4/2020, hiện nay cháu đang sống với anh B và ông bà nội tại Bản Y H, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An, cháu từ nhỏ sống với anh B, do anh B chăm sóc nuôi dưỡng, do cuộc sống khó khăn nên anh B đi làm công nhân ở Bắc Ninh để có tiền nuôi con, hàng tháng anh B vẫn gửi tiền đầy đủ cho cháu Kh, thường xuyên gọi điện thăm nom chăm sóc cháu, được nghỉ lâu dài anh B lại tranh thủ về thăm cháu Kh. Anh B và chị Ng cũng thống nhất giao cháu L B Kg cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, anh B không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kết quả xác minh tại địa phương thì anh L V B có hộ khẩu thường trú tại Bản Y H, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An có vợ là chị L Th V Ng và có 01 con chung là cháu L B Kg, sinh ngày 15/4/2020, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Cháu Kh sống với anh B và ông Lô Văn Mun tại Bản Y H, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Anh B hiện đang đi làm ăn ở tỉnh Bắc Ninh, thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại và thỉnh thoảng vẫn về nhà.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh B, chị Ng có đơn yêu

cầu không tiến hành hòa giải. Kết thúc phiên họp Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả cho anh B nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi từ anh B nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị L Th V Ng cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị L Th V Ng được ly hôn với anh L V B; Con Chung: giao cháu L B Kg, sinh ngày 15/4/2020 cho anh L V B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B; Tài sản chung, nợ chung: Chị Ng và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Chị Ng chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L V B có hộ khẩu thường trú tại Bản Y H, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị L Th V Ng và bị đơn anh L V B thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh B kết hôn với nhau vào năm 2020 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 03/2020 ngày 21/01/2020 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị Ng và anh B có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Ng và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu

cầu ly hôn của chị Ng là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị Ng và anh B có 01 con chung là cháu L B Kg, sinh ngày 15/4/2020, hiện cháu đang sống cùng anh B và anh B có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con. Chị Ng và anh B sống ly thân từ năm 2022, cháu Kh do anh B nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân nhau, chị Ng cũng đồng ý giao cháu Kh cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu L B Kg, sinh ngày 15/4/2020 cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị L Th V Ng và anh L V B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị L Th V Ng được ly hôn với anh L V B.

2. Con chung:

+ Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu L B Kg, sinh ngày 15/4/2020 cho anh L V B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Ng;

- Chị Ng có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Ng và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị L Th V Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0005125 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã Y H;
- Lưu Vp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Ái